

A. KIẾN THỨC:

- Kiến thức chương 1 (Số tự nhiên), chương 2 (Số nguyên)
- Kiến thức chương 3 (Các hình phẳng trong thực tiễn: Hình vuông – Tam giác đều – Lục giác đều. Hình chữ nhật – Hình thoi – Hình bình hành – Hình thang cân- Chu vi diện tích các hình trong thực tiễn)
- Kiến thức chương 4 (Một số yếu tố thống kê)

B. BÀI TẬP THAM KHẢO.

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên kí hiệu là:

- A. Q B. Z C. N D. I

Câu 2. Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 6 là

- A. {1; 2; 3; 4}. B. {0; 1; 2; 3}. C. {0; 1; 2; 3; 4}. D. {0; 1; 2; 3; 4; 5}.

Câu 3. Kết quả của 4^3 là:

- A. 64. B. 12. C. 16. D. 256.

Câu 4. Trong các số 542; 1285; 516; 8460. Số chia hết cho cả 2; 5; 3 và 9 là:

- A. 542. B. 1285. C. 516. D. 8460.

Câu 5. Bạn Hồng mang theo 195 000 đồng đi nhà sách mua: 4 cây bút bi, 1 quyển sách và 10 quyển vở. Biết 1 cây bút bi giá 5 000 đồng, 1 quyển sách giá 80 000 đồng và 1 quyển vở giá 9 000 đồng. Hỏi bạn Hồng thừa hay thiếu bao nhiêu tiền ?

- A. Thiếu 10 000 đồng. B. Thiếu 5 000 đồng.
C. Thừa 10 000 đồng. D. Thừa 5 000 đồng.

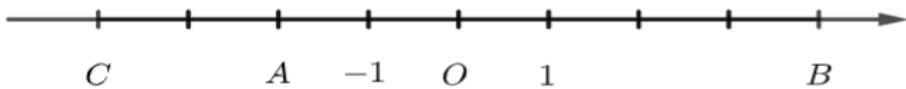
Câu 6. Bạn Hoa đi nhà sách mua: 2 cây bút bi, 3 quyển sách và 4 quyển tập. Biết giá mỗi cây bút là 6 000 đồng, sách giá 50 000 đồng và tập giá 9 000 đồng mỗi quyển. Bạn Hồng mang theo 190 000 đồng. Bạn Hồng thừa hay thiếu bao nhiêu tiền ?

- A. Thiếu 2 000 đồng; B. Thiếu 8 000 đồng; C. Thừa 2 000 đồng; D. Thừa 8 000 đồng.

Câu 7. Cho các số: -58; 62; 0; -21; 32. Có bao nhiêu số nguyên âm trong các số đã cho?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 8. Trên hình vẽ, điểm A, B, C lần lượt biểu diễn các số nguyên:



- A. -2; -4; 4. B. -2; 4; -4. C. -4; -3; 4. D. -3, 4, -4.

Câu 9. Nhiệt độ buổi sáng của phòng ướp lạnh là -7°C . Nhiệt độ buổi chiều của phòng ướp lạnh đó là bao nhiêu, biết nhiệt độ tăng 5°C so với buổi sáng

- A. 12°C B. -2°C C. 2°C D. -12°C

Câu 10. Tìm x biết $4 \cdot x = -28$. A. 7. B. -7. C. -112. D. 20.

Câu 11. Hãy sắp xếp số sau theo thứ tự tăng dần: -3; +4; 7; -7; 0; -1.

- A. -7; -3; -1; 0; +4; 7. B. 7; +4; 0; -1; -3; -7.
C. 7; -7; +4; -3; -1; 0. D. 0; -1; -3; +4; -7; 7.

Câu 12. Kết quả phép tính sau: $(-99) + (-11)$ là A. -88 B. 110 C. 88 D. -110

Câu 13. Kết quả phép tính sau $(-46).57 + (-54).57$ là A. -5700 B. 5700. C. 5400 D. -5400

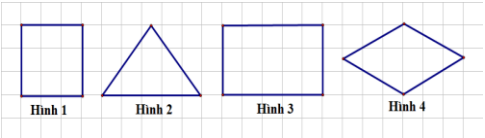
Câu 14. Kết quả của phép tính $(-30) : 2$ là: A. 15 B. -15 C. -60 D. 60

Câu 15. Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 5 là:

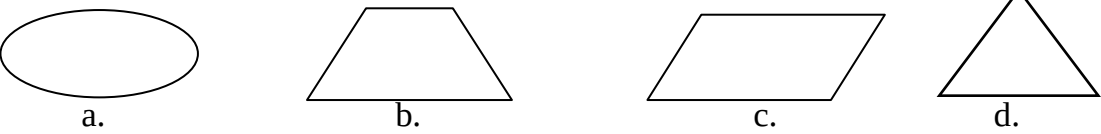
- A. $U(5) = \{1; 5; -1; -5\}.$
- B. $U(5) = \{1; 5\}$
- C. $U(3) = \{-1; -5\}.$
- D. $U(5) = \{1; 5; 0; -1; -5\}.$

Câu 16. Trong các hình dưới đây, hình thoi là:

- A. hình 1.
- B. hình 3.
- C. hình 2.
- D. hình 4.



Câu 17. Trong các hình dưới đây, hình nào là hình thang cân?



- A. hình a.
- B. hình b.
- C. hình c.
- D. hình d.

Câu 18.Biển báo nào sau đây là hình chữ nhật?



- A. Hình 1.
- B. Hình 2.
- C. Hình 3.
- D. Hình 4.

Câu 19.Trong hình thang cân:

- A. Hai đường chéo vuông góc với nhau.
- B. Hai cạnh đáy bằng nhau.
- C. Hai đường chéo bằng nhau.
- D. Bốn cạnh bằng nhau.

Câu 20. Cho hình bình hành MNPQ có cạnh $MN = 5\text{ cm}$, $MQ = 3\text{ cm}$. Độ dài đoạn thẳng NP là

- A. 3 cm.
- B. 5 cm.
- C. 6 cm.
- D. 10 cm.

Câu 21.Số học sinh đạt kết quả học tập loại tốt của các lớp khối 6 ở một trường THCS được cho ở bảng dữ liệu sau:

Lớp	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6
Số HS	9	11	7	14	15	20

Lớp có số học sinh đạt kết quả loại tốt nhiều nhất là:

- A. 6a4.
- B. 6a5.
- C. 6a2.
- D. 6a6.

Câu 22. Bảng thống kê các môn thể thao yêu thích của các học sinh lớp 6A4

Môn học	Bóng rổ	Bơi	Cầu lông	Đá cầu
Số bạn yêu thích	8	15	12	-2

Các thông tin không hợp lí trong bảng dữ liệu trên là:

- A. 15.
- B. 8.
- C. 12.
- D. - 2.

Câu 23. Bảng số buổi học của các bạn lớp 6A3 khi học online, các thông tin không hợp lí trong bảng dữ liệu bên dưới là: A. -15; 1,3; B. 12; C. 1; D. 11

Tên học sinh	Linh	Lâm	Thủy	Nam	Vinh
Ngày học	12	1,3	-15	12	11

Câu 24.Trong bảng thống kê xếp loại rèn luyện của lớp 6A1 cho dưới đây, số học sinh có xếp loại từ khá và tốt là bao nhiêu?

Xếp loại rèn luyện	Tốt	Khá	Đạt
Số học sinh	25	3	2

A. 28.

B. 5.

C. 27.

D. 25.

Câu 25. Biểu đồ tranh ở hình bên cho biết số máy cày của 5 xã:
Em hãy cho biết tổng số máy cày của xã C và xã E là
bao nhiêu máy cày?

A. 50.

B. 40.

C. 35.

D. 30.

Xã	Số máy cày
Xã A	    
Xã B	    
Xã C	  
Xã D	    
Xã E	 

( = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

Câu 26. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1

Số học sinh đạt điểm từ 9 trở lên là:

A. 1.

B. 9.

C. 19.

D. 7

Câu 27. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Số học sinh đạt điểm mấy là nhiều nhất:

A. 7

B. 8.

C. 9.

D. 10

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1

Câu 28: Bảng dữ liệu cho biết thân nhiệt của một bệnh nhân. Tìm dữ liệu không hợp lý trong bảng sau:

37	37	37	39	40
37	38	37	57	39

A. 39

B. 37

C. 57

D. 38

Câu 29: Cho bảng thống kê về số Tivi bán được qua các năm. Năm nào số tivi bán ít nhất ?

Năm	2006	2007	2008	2009
Số tivi bán được	300	250	200	150

A. 2006

B. 2007

C. 2008

D. 2009

II. TỰ LUẬN

1.SỐ VÀ ĐẠI SỐ

Câu 1: Điền các kí hiệu $\in$, $\notin$ thích hợp vào ô trống:

a) $7 \square \mathbb{N}$; $-2 \square \mathbb{N}$; $0 \square \mathbb{Z}$; $-45 \square \mathbb{Z}$.

b) $6 \square \mathbb{U}(48)$; $12 \square \mathbb{U}(30)$; $18 \square \mathbb{B}(4)$; $36 \square \mathbb{B}(12)$.

Câu 2: Trong các số 2540, 1347, 1638, số nào chia hết cho 2; số nào chia hết cho 3; số nào chia hết cho 5; số nào chia hết cho 9?

Câu 3: a/ Tìm số đối của các số: 6, -5, 57, -62, 0.

b/ Tìm các ước số nguyên của 8

c/ Tìm năm bội của - 6

Câu 4: a / Sắp xếp các số nguyên -7; 1 ; 0; - 2; 8 theo thứ tự tăng dần.

b/Sắp xếp các số nguyên -27; 14; -32 ; 0; 92 theo thứ tự giảm dần.

Câu 5: Viết kết quả phép tính dưới dạng một lũy thừa: a/ $3^3.3^4$.

b/ $2^6 : 2$.

Câu 6. Tính a/ $(-9) + (-13)$ b/ $(-23) + 74$ c/ $(-35) - (-12)$
 d/ $(-78) - 10 + 6$ e/ $(-8) + 17 - (-23)$

Câu 7: Thực hiện phép tính: (Tính nhanh nếu có thể)

a) $57 + 725 + (-57) + (-625)$ b) $(-4 \cdot 23 \cdot (-2) \cdot 25 \cdot (-5))$
 c) $58 \cdot (-75) + 58 \cdot (-25)$ d) $(-48) \cdot 17 + (-48) \cdot 83 + (-500)$

Câu 8: Tính giá trị của biểu thức: a/ $3^2 \cdot 2^3 - (79 - 76)^2 + 2022^0$ b/ $295 - 2 \cdot (31 - 2^2 \cdot 5)$
 b/ $700 + \{5 \cdot [80 : (6 - 4 \cdot 5^0)] - 10^2\}$

Câu 9. Bỏ ngoặc rồi tính: a/ $(35 - 17) + (17 + 65)$ b/ $(77 + 22 - 65) - (77 + 12 - 75)$
 c) $(29 + 37 + 13) + (10 - 37 - 13);$ d) $102 - (67 + 102 - 97)$

e) $-(-125 - 83 + 57) - (10 + 83 - 37).$

Câu 10. Tìm x, biết a) $198 - (x + 25) = 420$ b) $2(x - 7) + 5 = -13$ c) $x^2 - 8 = 73$
 d) $5 \cdot x - 10 = -25.$ e) $-2 \cdot x + 15 = -7.5.$ f) $30 - 3(2x + 4) = 120$
 k/ $-5 < x < 4$

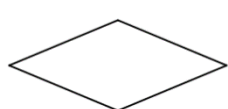
Câu 11. Một đội thanh niên làm công tác cứu trợ các vùng thiên tai gồm có 76 nam và 84 nữ. Người ta muốn chia đội thành nhiều tổ sao cho mỗi tổ có số nam bằng nhau và số nữ bằng nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất thành bao nhiêu tổ?

Câu 12 a) Thư viện của một trường THCS có một số sách giáo khoa Toán 6 trong khoảng từ 300 đến 400 quyển. Nếu xếp thành từng bó 21 quyển, 15 quyển thì vừa đủ. Tính số quyển sách giáo khoa Toán 6 của thư viện đó?

b/ Học sinh của một trường học khi xếp hàng 3, hàng 4, hàng 7, hàng 9 đều vừa đủ hàng. Tìm số học sinh của trường, cho biết số học sinh của trường trong khoảng từ 1200 đến 1500 học sinh.

2. HÌNH HỌC

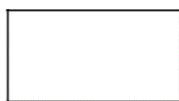
Câu 1: Trong các hình sau hình nào là hình chữ nhật? Hình nào hình thoi? Hình nào là hình thang cân? Hình nào là hình bình hành? Hình nào là tam giác đều? Hình nào là lục giác đều?



a)



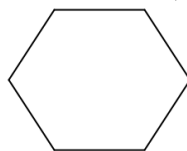
b)



c)



d)



Câu 2: Hình bình hành có độ dài một cạnh 20cm và chiều cao tương ứng 4cm. Tính diện tích hình bình hành.

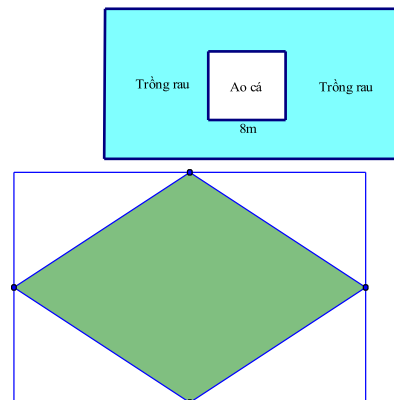
Câu 3: Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 30m và 20m. Tính diện tích hình thoi.

Câu 4: Tính chu vi hình vuông, biết diện tích hình vuông là 25cm^2 .

Câu 5. Một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 8m và 12m.

- Em hãy tính diện tích của mảnh vườn đó.
- Dọc theo các cạnh của mảnh vườn, người ta trồng các khóm hoa, 1m trồng một khóm hoa. Tính số khóm hoa cần trồng.

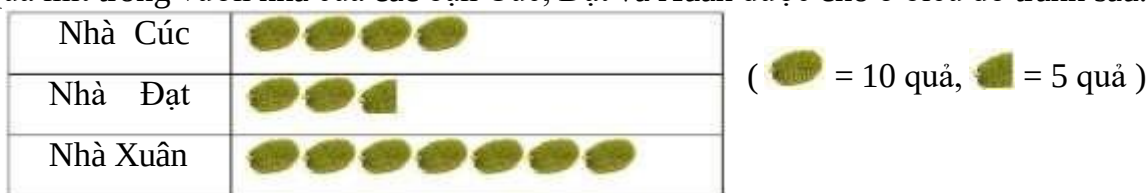
Câu 6: Bác Hai có một mảnh vườn hình chữ nhật với chiều dài 20 mét và chiều rộng là 12 mét. Giữa mảnh vườn bác đào một cái ao hình vuông để nuôi cá cạnh 8 mét, phần còn lại của mảnh vườn bác dùng để trồng rau. a/ Tính diện tích trồng rau b/ Bác Hai đi mua hạt giống để trồng rau, biết cần gieo 20 gram hạt giống trong 1 mét vuông đất. Hỏi cần bao nhiêu gram hạt giống để gieo hết phần đất trồng rau.



Câu 7: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng 5m, người ta trồng hoa hồng trong một mảnh đất hình thoi như hình bên. a/Tính chu vi và diện tích mảnh vườn hình chữ nhật b/ Tính diện tích trồng hoa. c/ Nếu mỗi mét vuông trồng 4 cây hoa thì cần bao nhiêu cây hoa để trồng trên mảnh đất hình thoi đó?

3.MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

Câu 1: Số quả mít trong vườn nhà của các bạn Cúc, Đạt và Xuân được cho ở biểu đồ tranh sau:



Hãy cho biết số quả mít trong vườn nhà mỗi bạn?

Câu 2: Số cây của 4 loại hoa trong khu vườn nhà bạn Hương được thống kê trong bảng sau:

Hoa	Hồng	Cúc	Mai	Đào
Số cây	30	35	40	45

- Hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu ở bảng trên.
- Số lượng cây tăng theo từng loài hoa là bao nhiêu?
- So sánh số cây hoa Hồng và số cây hoa Mai.

Câu 3. Kết quả điều tra về con vật ưa thích nhất của một số bạn trong lớp 6A được ghi lại trong bảng dưới đây:

Chó	Mèo	Mèo	Thỏ	Chó
Mèo	Chó	Chó	Chó	Mèo
Chó	Cá	Cá	Cá	Chó
Cá	Mèo	Mèo	Mèo	Cá
Mèo	Thỏ	Chó	Mèo	Mèo

- Bảng dữ liệu trên điều tra về vấn đề gì?
- Lập bảng thống kê và vẽ biểu đồ cột biểu thị số lượng được yêu thích của mỗi loại con vật.

Câu 4: Số con của mỗi gia đình trong một xóm A được ghi thành bảng sau:

1	0	2	2	3	1	0	1
0	0	3	1	1	2	2	2
3	2	2	2	4	3	4	1

- Hãy lập bảng thống kê cho các dữ liệu trên.
- Có bao nhiêu gia đình có 2 con.
- Có bao nhiêu gia đình đông con (có từ 3 con trở lên).
- Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số con của các gia đình trong xóm A.

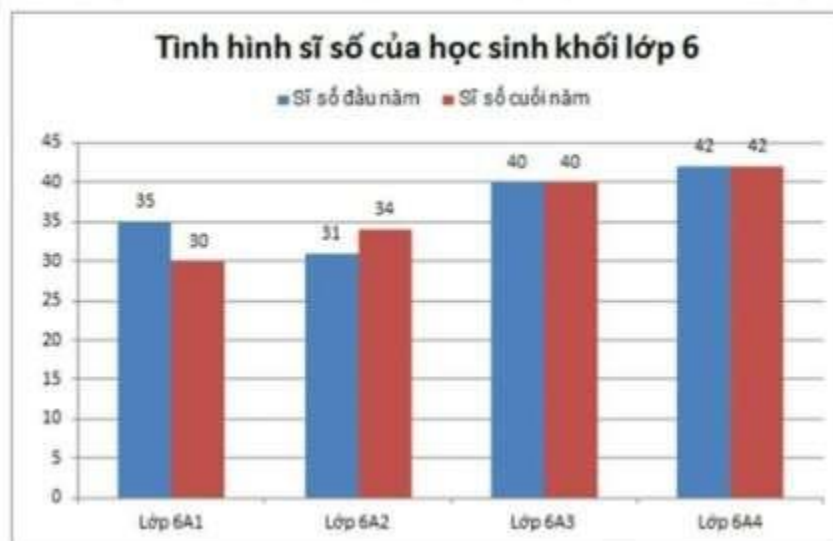
Câu 5: Đọc biểu đồ tranh biểu diễn số xe đạp một cửa hàng đã bán được trong các năm từ năm 2016 đến năm 2020.

Bằng cách dùng biểu tượng  đại diện cho 10 xe và biểu tượng  đại diện cho 5 xe.

Năm	Số xe bán được
2016	
2017	
2018	
2019	
2020	

- Năm nào cửa hàng bán được nhiều xe đạp nhất?
- Từ năm 2018 đến năm 2020 cửa hàng bán được tất cả bao nhiêu xe đạp?
- Lập bảng thống kê tương ứng.

Câu 6: Đọc biểu đồ cột kép dưới đây và ghi dữ liệu đọc được vào bảng thống kê tương ứng.



Chúc các em ôn tập hiệu quả và có kì thi đạt kết quả tốt!